



TRUNG TÂM THÔNG TIN
CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI - BỘ CÔNG THƯƠNG

Bản tin CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ Supporting Industry Bulletin

SỐ THÁNG 02/2020

Tòa soạn:

Tầng 6, Trụ sở Bộ Công Thương
Số 655 Phạm Văn Đồng,
quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại:

Biên tập: (024) 37150530
Marketing: (024) 37150530

Fax: (024) 37150489

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Đỗ Thị Sa

Giấy phép xuất bản số:

26/GP-XBBT ngày 11/4/2019 của
Bộ Thông tin và Truyền thông

Kỳ hạn xuất bản:

1 số/tháng

Khổ 19cmx27cm

Chế bản và in tại:

Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

MỤC LỤC

THÔNG TIN NỔI BẬT.....	2
Trong nước.....	2
Thế giới.....	2
SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ.....	3
Công nghiệp hỗ trợ dệt may: Thích ứng với cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	3
Công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử: Phụ thuộc nhiều vào doanh nghiệp FDI.....	7
Công nghiệp hỗ trợ ô tô chú trọng đầu tư vào công nghệ sản xuất.....	11
XUẤT - NHẬP KHẨU.....	15
Xuất khẩu vải màn, vải kỹ thuật khác tăng 11,18% so với cùng kỳ.....	15
Năm 2019, nhập khẩu sản phẩm CNHT nguyên phụ liệu dệt may tăng nhẹ so với cùng kỳ.....	15
Xuất khẩu linh kiện, phụ kiện điện thoại tăng 2,99% trong năm 2019.....	16
Nhập khẩu linh kiện điện thoại tăng nhẹ trong tháng 12/2019..	17
Năm 2019, xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử tăng 22,53%	18
Nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô từ Hàn Quốc đạt 70,07 triệu USD trong tháng 12/2019.....	19
CHÍNH SÁCH	23
CÔNG NGHỆ - SẢN PHẨM MỚI.....	24
Sản xuất chip thế hệ mới trên quy trình EUV với plasma và laser.....	24
Apple kế hoạch ra mắt nhiều sản phẩm mới trong nửa đầu năm 2020.....	24
TIN THẾ GIỚI	26
Ngành công nghiệp xe hơi Nhật Bản tìm cách khắc phục khi thiếu linh kiện.....	26
Các nhà sản xuất chip Hàn Quốc lo lắng về COVID-19.....	26
Năm 2019, xuất khẩu da sống của Mỹ giảm 15,1%.....	26
GIAO THƯƠNG.....	27
THÔNG TIN THAM KHẢO.....	28

Trong nước

- Sản lượng nhiều sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (CNHT) ngành dệt may Việt Nam tháng 01/2020 giảm so với tháng trước và giảm so với cùng kỳ năm 2019 do trùng với kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Canh Tý. Trong đó, vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) tổng hợp đạt 18,98 triệu m², giảm 44,62%; sợi tơ (filament) tổng hợp đạt gần 75,3 nghìn tấn, giảm 35,16% so với cùng kỳ năm trước.
- Ngược lại với xu hướng giảm chung, một số sản phẩm CNHT ngành điện tử vẫn có sản lượng tăng như: Loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa đạt hơn 20,04 triệu cái, tăng 18,84%; Mạch điện tử tích hợp đạt 663,41 triệu chiếc, tăng 0,11%.
- Hầu hết các sản phẩm CNHT ngành ô tô đều có sản lượng giảm so cùng kỳ, như: Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ đạt gần 9 triệu bộ, giảm 17,37%; Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ đạt 2,95 triệu cái, giảm 19,21%; Phụ tùng khác của xe có động cơ đạt 67,7 triệu cái, giảm 32,07%.
- Xuất nhập khẩu nhiều mặt CNHT trong năm 2019 vẫn giữ mức tăng trưởng so với năm 2018.

Thế giới

- Sản xuất chip thế hệ mới trên quy trình EUV với plasma và laser.
- Apple kế hoạch ra mắt nhiều sản phẩm mới trong nửa đầu năm 2020.
- Ngành công nghiệp xe hơi Nhật Bản tìm cách khắc phục khi thiếu linh kiện.
- Các nhà sản xuất chip Hàn Quốc lo lắng về COVID-19.
- Bồ Đào Nha phát triển trình để giày sinh thái từ bóng tennis tái chế.
- Hiệp hội các nhà sản xuất giày cao su và nhựa thay đổi tên □

CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ DỆT MAY

Thích ứng với cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Theo số liệu sơ bộ của Tổng cục Thống kê, trong tháng 01 năm 2020, sản lượng hầu hết các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (CNHT) ngành dệt may Việt Nam giảm so với tháng trước và so với cùng kỳ năm 2019 do trùng với kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Canh Tý.

Trong đó, đối với sản xuất sợi, sản phẩm sợi tơ (filament) tổng hợp đạt sản lượng

cao nhất gần 75,3 nghìn tấn, giảm 35,16% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói... đạt sản lượng 70,04 nghìn tấn, tăng 4,24%. Sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85% đạt 14,14 nghìn tấn, giảm 10,01%.

Đối với sản xuất vải, sản phẩm vải dệt thoi từ sợi tơ

(filament) nhân tạo đạt sản lượng trên 55,3 triệu m², giảm 3,21% so cùng kỳ 2019. Trong khi đó, vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) tổng hợp đạt 18,98 triệu m², giảm 44,62%. Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% đạt 26,94 triệu m², giảm 15,41%. Vải dệt thoi khác từ sợi bông chỉ đạt 7,41 triệu m², giảm 12,56%.

Năm 2020 được coi là năm

Bảng 1: Sản lượng một số sản phẩm CNHT ngành dệt may và sản phẩm may mặc tháng 01 năm 2020

Tên sản phẩm	ĐVT	T01/2020	T01/2020 so T12/2019 (%)	T01/2020 so T01/2019 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành dệt may				
Sợi tơ (filament) tổng hợp	Tấn	75.296	-13,03	-35,16
Sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85%	Tấn	14.138	-8,84	-10,01
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Tấn	70.035	-9,05	4,24
Vải dệt thoi khác từ sợi bông	1000 m ²	7.406	-13,88	-12,56
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	1000 m ²	26.936	-6,32	-15,41
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo	1000 m ²	55.305	-8,77	-3,21
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) tổng hợp	1000 m ²	18.984	-8,88	-44,62
Các sản phẩm may mặc				
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	25.156	-21,80	-37,41
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	39.667	-18,97	-44,72
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	103.635	-15,39	-45,51
Các loại mền chần, các loại chần nhồi lông, các loại nệm, đệm, nệm ghế, nệm gối, túi ngủ và loại tương tự có gắn lò xo hoặc nhồi hoặc lấp bên trong bằng vật liệu nhựa hoặc bằng cao su hoặc bằng chất dẻo xốp	1000 cái	1.681	-21,86	-27,63

Tên sản phẩm	ĐVT	T01 /2020	T01/2020 so T12/2019 (%)	T01/2020 so T01/2019 (%)
Khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp	Tấn	5.114	-13,71	-40,03
Màn bằng vải tuyền	1000 cái	4.752	-7,42	-25,53
Quần áo lót cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	13.351	-12,50	-28,07
Quần áo lót cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	36.242	-20,71	-13,41

Nguồn: Tổng cục Thống kê

bản lề của ngành thời trang Việt Nam khi thị trường có sự gia nhập của các thương hiệu thời trang quốc tế như Zara, H&M, Mango... Cùng với đó là những lợi thế khi các Hiệp định thương mại tự do có hiệu lực, đặc biệt là CPTPP và EVFTA. Tận dụng ưu thế đó, kết hợp với những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư chắc chắn sẽ tạo bước đột phá cho các doanh nghiệp (DN) dệt may thời gian tới.

Ngành Dệt may có 3 lĩnh vực chính là sợi - dệt nhuộm - may mặc. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tạo ra những bước chuyển mạnh mẽ của ngành, đặc biệt trong lĩnh vực sợi, dệt nhuộm với việc ứng dụng tự động hóa cũng như ứng dụng công nghệ thông tin. Quá trình này đã nâng cao về năng suất, tốc độ cũng như giảm số người lao động cho DN. Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, năm 2019 các DN sản xuất được trên 2,5 triệu

tấn sợi, trong đó xuất khẩu hơn 1,5 triệu tấn với trị giá xuất khẩu trên 4 tỷ USD; sản lượng vải cũng tăng 6 lần và xuất khẩu được 2,1 tỷ USD. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tạo sự thay đổi mạnh mẽ về quan niệm cũng như phương thức sản xuất của DN dệt may trong nước. Với việc áp dụng tự động hóa, sử dụng robot và các dữ liệu lớn, khả năng tăng năng suất sẽ trở thành cấp số nhân. Có thể thấy rõ điều này tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (Thành phố Thái Bình) khi đơn vị đã ứng dụng dữ liệu lớn trong quản lý sản xuất, điều hành DN. Nhờ đó, công suất 3 nhà máy sản xuất sợi của DN đã tăng gấp 2 lần, đạt sản lượng 17.000 tấn/năm.

Tổng công ty May 10-CTCP cũng ứng dụng phần mềm quản lý kinh doanh trực tuyến - DIP BMS.NET. Đây là một hệ thống quy trình quản lý khép kín, có sự phân quyền

chi tiết đến từng chi nhánh, phòng, ban... giúp Tổng công ty có thể quản lý, kiểm soát tốt các giao dịch của chuỗi đại lý phân phối từ khâu mua hàng, bán hàng đến kho, quỹ một cách tổng thể và hiệu quả.

Cùng với Tổng công ty May 10-CTCP, hàng loạt DN thành viên khác của Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex) đã chủ động ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất như: Tổng công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ, Tổng công ty cổ phần May Việt Tiến, Tổng công ty cổ phần May Nhà Bè... Nhờ đó, Tập đoàn đã đạt tốc độ tăng trưởng tốt trong những năm gần đây. Ứng dụng công nghệ vào sản xuất không chỉ giúp công nhân có việc làm ổn định, thu nhập cao hơn, mà lợi nhuận của Tập đoàn có thể tăng gấp đôi.

Như vậy, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang trở thành xu hướng tất yếu, tuy nhiên, việc đưa công nghệ

hiện đại vào sản xuất vẫn còn những khó khăn, nhất là thiếu trầm trọng nguồn nhân lực để vận hành các thiết bị đó. Với vai trò nòng cốt của ngành, thời gian qua, Vinatex đã huy động nhiều nguồn lực cho công tác đào tạo nhân lực: Tập đoàn đã được Chính phủ chấp thuận nâng cấp Trường Cao đẳng Dệt may

Hà Nội lên thành Trường Đại học Dệt may Hà Nội. Đây là một trong những kênh đào tạo nhân lực chính thống và chất lượng cho ngành dệt may. Đối với những lao động trực tiếp vận hành máy móc, Tập đoàn cũng phối hợp với các DN thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn để người lao động dần vận hành được

những thiết bị hiện đại...

Với những bước đi cụ thể của DN, cùng với định hướng chiến lược dài hạn của cơ quan quản lý, ngành dệt may nói chung và ngành CNHT dệt may nói riêng sẽ có nhiều triển vọng bứt phá và phát triển bền vững trong tương lai □

Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến ngành dệt may

Sự bùng phát của dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (dịch bệnh COVID-19) đã gây gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam kể từ khi ca nhiễm vi rút đầu tiên được công bố vào cuối tháng 01/2020. Dịch bệnh này ảnh hưởng đến giao thương qua biên giới, tác động tiêu cực đến sản xuất và kinh doanh hàng dệt may.

Hiệp hội dệt may Việt Nam (VITAS) cho biết, rất nhiều nhà quản lý, chuyên gia, kỹ thuật viên, công nhân đang làm việc tại DN dệt may Việt Nam và DN đầu tư nước ngoài (FDI) của Trung Quốc bị hạn chế trở lại Việt Nam sau kỳ nghỉ Tết hoặc bị cách ly theo quy định, gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất của DN.

Những DN có đơn hàng sản xuất cũng chịu tác động do các trường học đóng cửa, học sinh nghỉ học khiến nhiều người lao động xin nghỉ việc ở nhà trông con, tạo áp lực thiếu lao động cho DN. Các DN có lao động là người Trung Quốc thì có tâm lý e ngại, sợ tiếp xúc, sợ lây lan dịch bệnh.

Mặc dù là mặt hàng đứng thứ ba về giá trị xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2019 và đóng góp lớn cho xuất khẩu nhiều năm qua, dệt may lại là ngành chịu ảnh hưởng chính từ Trung Quốc khi đây là nơi cung cấp 70% nguồn nguyên phụ liệu cho ngành dệt may. Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, tổng giá trị thương mại dệt, may giữa Việt Nam và Trung Quốc đạt khoảng 15,7 tỷ USD vào năm 2019, trong đó kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam chiếm tới 11,5 tỷ USD, tương đương hơn 73% tổng kim ngạch XNK. Vải các loại là mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất với kim ngạch hơn 7,7 tỷ USD.

Bên cạnh đó, phần lớn DN dệt may lại chủ yếu làm gia công nên dịch bệnh khiến gia tăng nguy cơ đứt gãy chuỗi sản xuất.

Nếu tình hình dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, kéo dài thì khả năng DN phải nghỉ luân phiên, ngừng việc, đóng cửa sẽ rất cao do không có nguyên phụ liệu sản xuất. Điều này

sẽ khiến khách hàng chuyển đơn hàng đi nơi khác hoặc hủy đơn hàng do giao hàng không đúng hạn.

Ngoài ra, DN còn phải trả lương ngừng việc cho người lao động tối thiểu không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng Chính phủ quy định, ví dụ vùng 1 tối thiểu là 4,42 triệu đồng/người/tháng.

Trước tình hình trên, VITAS khuyến cáo DN nên trao đổi với khách hàng tập trung khai thác nguồn nguyên phụ liệu trong nước hoặc từ các nước khác để thay thế nguồn cung từ Trung Quốc, đảm bảo duy trì sản xuất kinh doanh, ổn định tư tưởng và thu nhập của người lao động. Bên cạnh đó, DN cần theo dõi sát tình hình, thông tin kịp thời để có giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp.

Các DN hiện đã và đang tập trung nỗ lực cho công tác phòng, chống; nhiều DN bố trí dây chuyền sản xuất khâu trang để trang bị cho công nhân hoặc bán với giá thành sản xuất hay phát miễn phí cho người dân địa phương, tìm mọi giải pháp để duy trì sản xuất và hạn chế thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

Công ty May Bắc Giang - LGG cho biết, hiện tại Công ty đã cho công nhân trở lại làm việc bình thường do đã nhập đủ nguyên phụ liệu từ trước Tết. Đồng thời, tìm nguồn cung thay thế từ Indonesia, do đến giữa tháng 3 các DN ở Trung Quốc mới hoạt động trở lại.

Nhiều công ty lớn thực hiện chiến lược đón đầu như Công ty May Tinh Lợi đang xây dựng cơ sở hạ tầng mới, tạo dựng nguồn nhân lực để khi hết dịch sẽ tăng năng suất lao động lên 200%.

VITAS kiến nghị Chính phủ, các bộ, ngành liên quan làm việc với phía Trung Quốc bàn giải pháp để vừa chống dịch, vừa đảm bảo thông quan hàng hóa, tháo gỡ khó khăn về nguồn cung nguyên phụ liệu cho DN.

Bên cạnh đó, Chính phủ và Bộ Tài chính tháo gỡ khó khăn của DN như hoàn thuế VAT cho các dự án đầu tư mở rộng vì có DN trong hơn ba năm nay chưa được hoàn hàng chục tỷ đồng tiền thuế VAT; bỏ quy định nộp thuế VAT với những DN sử dụng vải trong nước để sản xuất, xuất khẩu thay vì nộp trước hoàn sau.

DN cũng cần được hướng dẫn về trả lương ngừng việc trong trường hợp phải bố trí ngừng việc kéo dài; cần có sự chia sẻ của cả Nhà nước, DN và người lao động trong điều kiện khó khăn này vì những DN sử dụng nhiều lao động như dệt may phải đóng cửa thì hàng trăm ngàn lao động sẽ không có việc làm.

VITAS đề nghị Nhà nước có giải pháp kịp thời hỗ trợ DN để giảm tổn thất như giảm tiền điện, nước; giảm lãi vay, khoan nợ hoặc giãn nợ ngân hàng...

Ngoài ra, VITAS đề nghị Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu giảm phí cầu đường để giảm chi phí trong thời gian tới cho DN, đề nghị thành phố Hải Phòng ngừng thu phí cảng biển để tạo điều kiện cho DN □

CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ NGÀNH ĐIỆN TỬ

Phụ thuộc nhiều vào doanh nghiệp FDI

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, sản lượng nhiều sản phẩm CNHT ngành điện tử trong tháng đầu năm nay giảm so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Bộ phận của máy tính, máy tính tiền, máy đóng dấu miễn cước bưu phí, máy bán vé và các máy tương tự, có gắn với bộ phận tính toán (trừ

máy bán hàng, máy ATM và các máy tương tự) đạt 97 tấn sản phẩm, giảm mạnh nhất 37,67%; Tai nghe không nối với micro đạt 5,48 triệu cái, giảm 27,15%; Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế ≤ 1000V đạt 10,98 nghìn tấn, giảm 18,16%; Ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường

hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác đạt gần 26,1 triệu chiếc, giảm 7,4%... Trong khi đó, một số sản phẩm CNHT có sản lượng tăng như: Loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa đạt hơn 20,04 triệu cái, tăng 18,84%; Mạch điện tử tích hợp đạt 663,41 triệu chiếc, tăng 0,11%.

Bảng 2: Sản lượng sản xuất một số sản phẩm CNHT và thành phẩm của ngành điện tử trong tháng 01 năm 2020

Tên sản phẩm	ĐVT	T01/2020	T01/2020 so T12/2019 (%)	T01/2020 so T01/2019 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành điện tử				
Bộ phận của các linh kiện điện tử khác chưa được phân vào đầu	Kg	794.502	-13,20	-13,66
Bộ phận của máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in, trục lăn và các bộ phận in khác, trừ máy in offset loại sử dụng trong văn phòng	Tấn	1.457	-6,67	-2,44
Bộ phận của máy tính, máy tính tiền, máy đóng dấu miễn cước bưu phí, máy bán vé và các máy tương tự, có gắn với bộ phận tính toán (trừ máy bán hàng, máy ATM và các máy tương tự)	Tấn	97	-22,00	-37,67
Cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác	Tấn	11.238	-14,48	-6,72
Dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng	Tấn	25.043	-15,46	-5,66
Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế ≤ 1000V	Tấn	10.984	-14,73	-18,16
Loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa	Cái	20.043.838	-10,51	18,84
Mạch điện tử tích hợp	1000 chiếc	663.412	-24,01	0,11
Ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác	Chiếc	26.095.584	-12,27	-7,40
Tai nghe không nối với micro	Cái	5.482.560	-10,40	-27,15
Thiết bị bảo vệ mạch điện khác dùng cho điện áp ≤ 1000 V chưa được phân vào đầu	Cái	1.022.718	7,68	-3,85
Các sản phẩm điện tử				
Màn hình khác (trừ loại sử dụng với máy xử lý dữ liệu tự động)	Cái	1.013.251	16,32	15,16

Tên sản phẩm	ĐVT	T01/2020	T01/2020 so T12/2019 (%)	T01/2020 so T01/2019 (%)
Máy in offset, in theo tờ, loại sử dụng trong văn phòng	Chiếc	91.883	-19,92	-33,87
Máy thu hình (Tivi,...)	Cái	1.185.215	-18,99	-18,37
Máy tính bảng có giá dưới 3 triệu	Cái	604.631	-49,73	-45,16
Máy tính bảng có giá từ 3 đến dưới 6 triệu	Cái	153.528	-15,34	-54,86
Máy tính bảng có giá từ 6 - dưới 10 triệu	Cái	87.564	12,39	-44,90

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Năm 2019, ngành sản xuất hàng điện tử chiếm tỷ trọng 22,01% trong 4 ngành trọng yếu (chiếm 14,91% trong toàn ngành công nghiệp). Thế nhưng, sản xuất của ngành công nghiệp này hầu hết nằm trong tay các DN nước ngoài, DN FDI, các DN nội chỉ có một số DN vừa và nhỏ...

Trong thời gian vừa qua, hoạt động sản xuất linh kiện điện tử đang có xu hướng chuyển dịch từ các thị trường quốc tế sang Việt Nam nhờ hiệu ứng tích cực từ những cải cách thể chế, những chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư và các Hiệp định thương mại tự do (FTA), mở ra nhiều cơ hội cho các DN CNHT, các DN điện tử, đặc biệt là các DN nhỏ và vừa.

Trung tâm nghiên cứu và đào tạo thiết kế vi mạch TP.HCM cho biết, để phát triển công nghiệp điện tử, trong đó có công nghiệp bán dẫn và linh kiện, năm 2012, TP.HCM đã ban hành “Chương trình

phát triển công nghiệp vi mạch TP.HCM giai đoạn 2013 - 2020” (CTPTVM 1), có nội dung về đào tạo, xây dựng nhà thiết kế, quảng bá sản phẩm, nghiên cứu chính sách... Song do yếu tố thị trường và vốn đầu tư quá lớn - một nhà máy sản xuất vi mạch với công nghệ bậc trung vào thời đó cũng cần nguồn vốn lên đến 400 triệu USD. Tuy vậy, CTPT-VM1 cũng đã đào tạo được trên 2.000 nhân lực thiết kế vi mạch; thu hút nhiều công ty thiết kế vi mạch tên tuổi trên thế giới vào TP.HCM như Renesas, Marvell, Ampere Computing, BridgeTek, CME...; thiết kế được các sản phẩm vi mạch thương mại, như vi xử lý 8 bit SG8V1, vi xử lý 32 bit VN1632. Hiện các sản phẩm này đang được ứng dụng vào mạng thông tin lưới điện thông minh của Tổng công ty Điện lực TP.HCM và Ban Cơ yếu Chính phủ.

Từ năm 2017, UBND TP.HCM ban hành “Chương trình phát

triển công nghệ vi mạch giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến 2030” (CTPTVM 2), chú trọng việc phát triển công nghệ thiết kế, đặc biệt chú trọng đến các vi mạch công nghệ và phục vụ cho bài toán CMCN lần thứ tư cũng như IoT và thành phố thông minh. Ngành công nghiệp điện tử dân dụng đã có mặt từ khá sớm ở Việt Nam với những công ty như Viettronics mà hạ tầng đã có trước năm 1975 (hiện nay thuộc Tổng công ty Điện tử và Tin học Việt Nam). Đã có lúc doanh thu của Tổng công ty này đạt 100 triệu USD, trong đó gia công xuất khẩu trị giá 30 triệu USD - con số rất đáng kể vào những năm cuối thập niên 90. Tuy nhiên, sau khi cổ phần hóa, tổng doanh thu hiện nay chỉ mức dưới 100 tỷ đồng; lợi nhuận chưa tới 5 tỷ đồng. Nguyên nhân suy thoái là do Viettronics không đầu tư mạnh mẽ vào hoạt động R&D, đào tạo nguồn nhân lực nắm bắt xu hướng

phát triển công nghệ, dẫn đến không sở hữu các công nghệ lõi, từ đó không thể cạnh tranh để lớn mạnh và hạ giá thành sản phẩm...

Hiện nay, ngành công nghiệp điện tử Việt Nam đứng thứ 12 thế giới và thứ 3 trong khu vực ASEAN về xuất khẩu điện tử với doanh số gần 84 tỷ USD (2018), chủ yếu là điện thoại và phụ tùng điện thoại (49 tỷ USD), máy vi tính và phụ kiện (29,5 tỷ USD), máy ảnh, máy quay phim và phụ kiện (5,3 tỷ USD). Tuy nhiên, hầu hết là sản phẩm của DN FDI. Nhờ có chính sách thu hút FDI hợp lý, nhiều tập đoàn lớn đã đầu tư vào Việt Nam, nổi bật nhất là Tập đoàn Samsung (Hàn Quốc) đã chọn Việt Nam là cứ điểm toàn cầu. Trong tương lai, với khuynh hướng chuyển dịch sản xuất ra khỏi Trung Quốc, doanh thu công nghiệp điện tử Việt Nam sẽ còn tăng hơn nữa. Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm điện tử chủ yếu là của các doanh nghiệp FDI (chiếm 95%).

Hệ quả của việc không đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực để có được sản phẩm dân dụng, các doanh nghiệp Việt Nam chỉ có thể nhắm vào phân khúc bình dân, nhập gần như nguyên board mạch từ các

nước có sản phẩm giá rẻ, chỉ làm công tác quản lý chất lượng và triển khai thị trường, xây dựng thương hiệu...

Để phát triển ngành công nghiệp điện tử, cần khuyến khích tối đa các doanh nghiệp sản xuất vi mạch tại Đài Loan, Hoa Kỳ, Nhật Bản đầu tư vào Việt Nam. Lực lượng lao động làm việc tại các doanh nghiệp này sẽ là nguồn lực quan trọng cho Việt Nam. Trong khoảng mười năm tới, chúng ta có thể làm chủ công nghệ lõi và có thể tạo ra những ý tưởng mới, khác biệt trong thiết kế... Đồng thời, chúng ta cần phải có chính sách phù hợp đầu tư mạnh vào lĩnh vực công nghiệp bán dẫn - linh kiện...

Ngày 04/02/2020, tại Hải Dương đã diễn ra Lễ ký kết Biên bản ghi nhớ MOU giữa Bộ Công Thương, Samsung Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc triển khai Dự án cải tiến DN trong lĩnh vực CNHT tại địa bàn.

Trước đó, trong năm 2018 - 2019, Bộ Công Thương đã phối hợp cùng Samsung Việt Nam triển khai Dự án hợp tác đào tạo Tư vấn viên Việt Nam về cải tiến sản xuất và chất lượng. Một số học viên trong khóa đào tạo đã tham

gia có hiệu quả thực hiện Đề án “Tổ chức cải tiến sản xuất chất lượng cho DN chế biến chế tạo, DN CNHT Việt Nam” thuộc Chương trình phát triển CNHT năm 2019 của Bộ Công Thương.

Năm 2020, Bộ Công Thương sẽ phối hợp với một số địa phương có tiềm năng về phát triển công nghiệp để xây dựng chính sách và triển khai các hoạt động phát triển công nghiệp tại địa phương, trong đó có chú trọng ngành CNHT. Việc tỉnh Hải Dương chủ động phối hợp cùng Samsung Việt Nam - một Tập đoàn đa quốc gia và Bộ Công Thương triển khai các hoạt động hỗ trợ DN để nâng cao năng lực, tăng khả năng tiếp cận chuỗi sản xuất toàn cầu của các DN Việt Nam, đặc biệt các DN vừa và nhỏ là mô hình tốt cần nhân rộng trên địa bàn cả nước. Thông qua hiệu quả hoạt động của chương trình, Bộ Công Thương kỳ vọng sẽ nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc thúc đẩy ngành Chế biến, chế tạo trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở đó, các địa phương cần phải đầu tư nguồn lực nhằm phát triển công nghiệp và CNHT trong thời gian tới □

Tác động của Covid-19 đến ngành điện tử

Ngành điện tử đang chịu tác động lớn bởi thiếu hụt nguồn cung linh kiện đầu vào nhập khẩu phục vụ sản xuất do ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19 từ các quốc gia đang bùng phát dịch. Các sản phẩm của ngành công nghiệp điện- điện tử (trong đó bao gồm điện thoại và tivi) là các mặt hàng có kim ngạch xuất nhập khẩu lớn nhất giữa Việt Nam và Trung Quốc, Hàn Quốc: Năm 2019, Việt Nam nhập khẩu khoảng 40 tỷ USD các mặt hàng linh kiện điện tử, trong đó nhập khẩu từ Hàn Quốc là 16,8 tỷ USD (chiếm 42%), từ Trung Quốc là 13,8 tỷ USD (chiếm 34%), từ Nhật Bản 1,7 tỷ USD (chiếm 4,2%). Hiện nay, các DN điện tử chỉ còn đủ nguyên liệu phục vụ cho sản xuất đến khoảng giữa hoặc cuối tháng 3/2020.

Hiệp hội DN điện tử Việt Nam cho biết, các DN sản xuất theo chuỗi cung ứng đa quốc gia sẽ chịu ảnh hưởng muộn hơn, nhưng mức độ ảnh hưởng là tương đương bởi nguồn linh kiện nhập khẩu cũng từ Trung Quốc. Hiệp hội cũng đưa ra dự báo, trong cuối quý I/2020, nếu dịch bệnh còn tiếp diễn, sẽ dẫn đến tình trạng suy giảm sản lượng điện thoại và tivi trong nước.

LG Việt Nam đang phải đối mặt với việc không có nguyên liệu đầu vào cho sản xuất. Apple dự kiến tăng xuất khẩu ở Việt Nam 30% năm nay, tuy nhiên sản lượng của Apple lại phụ thuộc vào các công ty gia công (OEM) như Samsung, Foxconn, LG... Đặc biệt, theo Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam, hàng trăm container nguyên liệu bị ách tắc tại cửa khẩu Lạng Sơn, nếu không được thông quan có thể giảm tới 50% doanh số năm 2020. Việc kiểm soát biên giới nhằm phòng ngừa dịch bệnh sẽ ảnh hưởng đến dây chuyền sản xuất một số model chiến lược đời mới của hãng do một số linh kiện sản xuất các dòng này được nhập khẩu từ Trung Quốc (chủ yếu qua cửa khẩu Lạng Sơn). Trong trường hợp không giải quyết sớm vấn đề nguyên liệu thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Công ty vì dây chuyền sản xuất của Công ty được thiết kế để vận hành liên tục nhằm giảm chi phí, nếu buộc phải tạm ngừng sản xuất sẽ mất rất nhiều chi phí cho việc vận hành trở lại. Về vấn đề bảo đảm nguồn cung nguyên phụ liệu, linh kiện đầu vào cho sản xuất trong nước, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương liên quan làm việc với chính quyền các tỉnh, địa phương của Trung Quốc cũng như cấp Trung ương Trung Quốc trong việc xem xét áp dụng hợp lý các biện pháp kiểm soát biên giới có giới hạn trong việc phòng ngừa dịch bệnh để bảo đảm nguồn nguyên phụ liệu, linh phụ kiện đầu vào sản xuất cho các DN công nghiệp trong nước.

Ngoài ra, cần phải có biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các DN trong việc chủ động tìm nguồn cung cấp nguyên phụ liệu thay thế. Bên cạnh đó, khuyến khích các DN CNHT trong nước tăng cường sản xuất để đáp ứng một phần nhu cầu nội địa.

Hiện nay, một số DN FDI đa quốc gia đang phối hợp với Cục Công nghiệp- Bộ Công Thương tìm kiếm các DN sản xuất nguyên vật liệu, linh phụ kiện đủ khả năng sản xuất

thay thế nguồn nhập khẩu. Tuy nhiên, do năng lực sản xuất các mặt hàng CNHT trong nước còn thấp, việc kết nối cung ứng cho các doanh nghiệp FDI trong thời gian tới vẫn còn nhiều khó khăn.

Bộ Công Thương cho rằng phải có giải pháp dài hạn để phát triển công nghiệp trong nước, đặc biệt là CNHT và một số ngành công nghiệp vật liệu cơ bản quan trọng như thép chế tạo, vải, vật liệu mới... để khắc phục sự phụ thuộc vào nguồn nguyên vật liệu, linh phụ kiện đầu vào nhập khẩu, trong đó tập trung vào việc hỗ trợ nâng cao năng lực các DN thông qua các giải pháp hỗ trợ về tín dụng, nguồn nhân lực, đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường cũng như các ưu đãi về thuế và đất đai □

CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ Ô TÔ

Chú trọng đầu tư vào công nghệ sản xuất

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong tháng 01 năm 2020, sản lượng các sản phẩm CNHT ngành ô tô giảm so cùng kỳ năm 2019 như: Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ đạt gần 9 triệu bộ, giảm 17,37%; Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc tấm lá hoặc dải đạt 5,69 nghìn tấn, giảm 15,42%; Phụ tùng khác của xe có động cơ đạt 67,7 triệu cái, giảm mạnh 32,07%; Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ đạt 2,95 triệu cái, giảm 19,21%. Phát triển CNHT, gia tăng tỷ lệ nội địa hóa được xem là

Bảng 3: Sản lượng một số sản phẩm CNHT của ngành ô tô và ô tô trong tháng 01 năm 2020

Tên sản phẩm	ĐVT	T01/2020	T01/2020 so T12/2019 (%)	T01/2020 so T01/2019 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành ô tô				
Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ	Bộ	8.996.489	-13,18	-17,37
Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc tấm lá hoặc dải	Tấn	5.690	-26,43	-15,42
Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 cái	67.697	-17,00	-32,07
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	Cái	2.951.684	-16,35	-19,21
Các sản phẩm khác				
Xe có động cơ chở được từ 10 người trở lên chưa được phân vào đâu	Chiếc	971	-5,08	-33,67
Xe có động cơ chở dưới 10 người, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh > 1500 cc và ≤ 3000 cc	Chiếc	9.095	-30,68	-17,71

Tên sản phẩm	ĐVT	T01/2020	T01/2020 so T12/2019 (%)	T01/2020 so T01/2019 (%)
Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chở được từ 10 người trở lên với tổng trọng tải > 6 tấn và < 18 tấn	Chiếc	4.043	-18,70	-64,07
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa > 5 tấn và < 20 tấn	Chiếc	835	-28,33	-15,14
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa 5 tấn	Chiếc	1.904	-45,43	-22,36

Nguồn: Tổng cục Thống kê

nền tảng và yêu cầu cấp thiết để phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam, đồng thời tạo động lực kéo theo các ngành công nghiệp khác. Hiện nay, Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải (Thaco) là một trong những DN tiên phong đầu tư phát triển CNHT với quy mô lớn nhất Việt Nam.

Thaco đã đầu tư xây dựng khu công nghiệp sản xuất linh kiện ô tô lớn nhất Việt Nam tại Khu Kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam với quy mô gần 100ha. Tại đây có 12 nhà máy sản xuất linh kiện - phụ tùng và Tổ hợp cơ khí, không chỉ cung cấp cho các nhà máy lắp ráp ô tô của Thaco và các DN trong nước mà còn xuất khẩu sang thị trường ASEAN và các nước trên thế giới. Sản phẩm từ các nhà máy này bao gồm: Linh kiện nội thất, ngoại thất xe buýt, xe tải, xe du lịch; linh kiện composite; nhíp; kính;

máy lạnh; la phong trần; tap-pi sàn; cản xe du lịch; thân vỏ ô tô; ghế và áo ghế; bộ dây điện; chassis và nhiều linh kiện phụ tùng khác. Các nhà máy được chuyển giao công nghệ từ Nhật Bản, Hàn Quốc với máy móc thiết bị hiện đại và thực hiện quản trị thông minh xuyên suốt chuỗi giá trị từ đặt hàng, sản xuất đến phân phối.

Tiêu biểu như Nhà máy Nhíp được chuyển giao công nghệ sản xuất từ Tập đoàn Daewon - Hàn Quốc với hệ thống dây chuyền, máy móc hiện đại như dây chuyền nhiệt luyện, dây chuyền ram, dây chuyền phun bi, dây chuyền sơn nhúng kẽm và các thiết bị kiểm tra chất lượng trên từng công đoạn. Nhà máy Linh kiện nhựa trang bị hệ thống máy ép phun 3.200 tấn, công nghệ sơn nhựa tiên tiến nhất Việt Nam với robot sơn và hệ thống cấp sơn tự

động. Nhà máy Ghế ô tô đầu tư máy móc hiện đại, tự động nhập khẩu từ châu Âu, Hàn Quốc, sản xuất ghế cho nhiều chủng loại và thương hiệu ô tô.

Đến nay, Thaco đã làm chủ công nghệ sản xuất các linh kiện như kính, ghế, nhíp, dây điện, linh kiện cơ khí (moving parts xe du lịch, thùng xe, ống xả, ty ben, khung xương xe buýt, các linh kiện đột dập,...), linh kiện nhựa (cản nhựa, linh kiện nhựa nội thất,...), hệ thống máy lạnh, linh kiện composite...

Đầu tư phát triển các nhà máy linh kiện phụ tùng, Thaco đã gia tăng tỷ lệ nội địa hóa một số mẫu xe lên trên 40%, đáp ứng tiêu chí hàm lượng khu vực RVC (Regional Value Content) để hưởng thuế suất 0% khi xuất khẩu sang các thị trường ASEAN, đồng thời xuất khẩu linh kiện ô tô, từng bước tham gia

chuỗi giá trị toàn cầu. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều nhất là cản xe, bộ dây điện xe du lịch, nhíp ô tô, áo ghế xe du lịch... Trong năm 2019, Thaco cũng đã xuất khẩu linh kiện phụ tùng sang các nước với giá trị kim ngạch đạt 14,5 triệu USD. Thị trường xuất khẩu chính gồm Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Philippines, Kazakhstan, Malaysia, Singapore, Thổ Nhĩ Kỳ, Bangladesh, Thái Lan, Indonesia, Australia, Đức. Trong thời gian tới, công ty sẽ mở rộng thị trường xuất khẩu sang châu Âu và châu Mỹ. Dự kiến trong năm 2020, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sẽ tăng lên 21 triệu USD.

Hiện nay, Thaco tiếp tục đầu tư xây dựng các nhà máy CNHT mới theo hướng tự động hóa; thành lập các nhà máy sản xuất linh kiện phụ tùng xe Mazda khi sản lượng đủ lớn (50.000 xe/năm) bằng hình thức liên doanh, liên kết, chuyển giao công nghệ với đối tác là các nhà cung cấp linh kiện của Mazda Nhật Bản; liên doanh, liên kết với đối tác nước ngoài đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất

sản phẩm xuất khẩu tại Khu công nghiệp Thaco Chu Lai; liên kết với nhà cung cấp của Kia Motors để sản xuất linh kiện phụ tùng xe du lịch Kia có hàm lượng công nghệ cao; tham gia chuỗi cung ứng linh kiện OEM cho các nhà sản xuất lắp ráp ô tô tại Việt Nam và các đối tác Kia, Foton. Bên cạnh đó, Thaco còn xây dựng chiến lược phát triển các sản phẩm ngoài ngành ô tô dựa trên nền tảng công nghệ hiện có với chất lượng phù hợp và giá cả cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Một DN lớn khác phải kể đến là Tập đoàn ô tô Thành Công (Ninh Bình) cũng đang tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, nâng cấp dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại để tăng công suất. Năm 2019, sản lượng sản xuất của các Nhà máy sản xuất, lắp ráp ô tô thuộc Tập đoàn này ước đạt 70.558 xe ô tô, tăng 25% so với năm 2018, ước đạt 128% so với kế hoạch, nộp ngân sách hơn 9.000 tỷ đồng. Tính riêng trong tháng 01/2020, doanh thu của Nhà máy ước đạt 1.821 tỷ đồng, tăng

36,8%, góp phần làm tăng doanh thu của các DN trong các khu công nghiệp tháng 01/2020 đạt 5.010 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ.

Sự thành công của ngành công nghiệp ô tô đã tạo hiệu ứng thu hút các DN CNHT cho lĩnh vực này ngày càng phát triển tại Ninh Bình. Theo thống kê của Sở Kế hoạch và Đầu tư, đến cuối năm 2019, toàn tỉnh đã thu hút được 9 dự án đầu tư vào sản xuất linh kiện, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất, lắp ráp ô tô và đạt hiệu quả tốt như: Công ty TNHH ADM21 Việt Nam với năng lực sản xuất 20 triệu chiếc cần gạt nước ô tô/năm, toàn bộ sản phẩm của Công ty được xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, Mỹ, Pháp; Công ty TNHH Sejung Việt Nam chuyên sản xuất ống xả có tổng vốn đầu tư 443,4 tỷ đồng, công suất thiết kế 570.500 sản phẩm/năm; Nhà máy sản xuất camera mô đun và linh kiện điện tử của Công ty TNHH MCNEX VINA, vốn đầu tư 1.932,67 tỷ đồng.. □

Ngành công nghiệp ô tô Việt ảnh hưởng bởi Covid-19

Dự kiến đến cuối quý I/2020, các DN sản xuất, lắp ráp ô tô sẽ chịu ảnh hưởng lớn từ việc thiếu hụt nguồn linh phụ kiện phục vụ sản xuất do những tác động từ dịch viêm phổi cấp.

Theo Cục Công nghiệp- Bộ Công Thương, đối với ngành sản xuất lắp ráp ô tô, năm 2019, Việt Nam nhập khẩu gần 4 tỷ USD phụ tùng linh kiện ô tô, trong đó nhập khẩu từ Trung Quốc là 0,7 tỷ USD (17,54%), từ Hàn Quốc là 1,14 tỷ USD (28,57%) và từ Nhật Bản là 0,72 tỷ USD (18,04%). Riêng ngành sản xuất ô tô tải, 70% linh phụ kiện nhập khẩu từ Trung Quốc.

Với nguồn nhập nguyên phụ liệu, linh kiện đầu vào hiện nay, có thể thấy đa số các thị trường lớn mà Việt Nam đang nhập khẩu đều có dịch bùng phát. Việc sản xuất tại các nước này, đặc biệt ở Trung Quốc đang trong tình trạng tạm ngừng, hoặc hoạt động cầm chừng.

Các dòng xe du lịch có linh kiện được nhập khẩu từ nhiều quốc gia để tiến hành lắp ráp, tuy nhiên những quốc gia này hoặc đang bùng phát dịch bệnh (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản) hoặc vẫn phải phụ thuộc vào nguồn nguyên phụ liệu từ Trung Quốc để sản xuất linh kiện xuất khẩu sang Việt Nam (Ấn Độ, các quốc gia Đông Nam Á).

Đặc tính phân bố và liên kết chặt chẽ của chuỗi giá trị toàn cầu hiện nay khiến cho ngành sản xuất trong nước gặp khó khăn lớn. Không chỉ Việt Nam, ngay cả các quốc gia có nền sản xuất phát triển, tỷ lệ nội địa hóa cao cũng đứng trước nguy cơ đứt gãy chuỗi sản xuất trong trường hợp thiếu một số linh phụ kiện để cấu thành nên sản phẩm. Đặc biệt là những ngành đòi hỏi công nghệ kỹ thuật cao như ô tô.

Giải pháp tìm thị trường thay thế được nhiều chuyên gia nhắc tới. Nhưng riêng đối với những ngành có tính chất kỹ thuật công nghệ cao như ô tô, điện tử, linh kiện không thể nói là thay thế ngay được. Các nguyên phụ liệu cao cấp hoặc các sản phẩm linh kiện, phụ tùng rất khó có thể tìm nguồn thay thế trong ngắn hạn do đặc thù phân bố chuỗi sản xuất toàn cầu cũng như các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ, chất lượng riêng biệt của các công ty đa quốc gia □

Xuất nhập khẩu nhiều mặt CNHT trong năm 2019 vẫn giữ mức tăng trưởng so với năm 2018

Xuất khẩu vải màn, vải kỹ thuật khác tăng 11,18% so với cùng kỳ

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 12/2019 tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng dệt may và nguyên phụ liệu (NPL) đạt trên 3,56 tỷ USD, tăng 13,50% so với tháng 11/2019 và tăng

7,95% so với tháng 12/2018. Tính chung năm 2019, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng dệt may và NPL của Việt Nam đạt 39,63 tỷ USD, tăng 7,27% so với năm 2018. Trong đó, xuất khẩu các sản phẩm CNHT dệt may trong

năm 2019 vẫn duy trì tăng trưởng với mặt hàng vải, vải màn kỹ thuật vẫn giữ mức tăng trưởng lớn nhất, với mức tăng 11,18%; với các nhóm hàng khác cũng có sự tăng trưởng nhưng chỉ ở mức 1 con số như: Xơ, sợi dệt các loại, tăng 3,77%; Nguyên phụ liệu dệt may, tăng 5,89%... Còn theo số liệu ước tính của Tổng cục Thống kê, tháng

Bảng 4: Xuất khẩu các sản phẩm CNHT và thành phẩm ngành dệt may năm 2019

Mặt hàng	Tháng 12/2019 (Triệu USD)	So với T11/2019 (%)	So với T12/2018 (%)	12T/2019 (Triệu USD)	So với 12T/2018 (%)
Tổng	3.566,25	13,50	7,95	39.630,56	7,27
Hàng dệt, may	2.971,28	15,08	7,33	32.850,23	7,75
Xơ, sợi dệt các loại	373,85	6,54	7,35	4.176,74	3,77
Nguyên phụ liệu dệt may	178,48	7,64	21,38	2.014,72	5,89
Vải màn, vải kỹ thuật khác	42,64	-1,74	6,88	588,88	11,18

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

01/2020 tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng dệt may và nguyên phụ liệu (NPL) đạt trên 2,88 tỷ USD,

giảm 19,03% so với tháng 12/2019 và giảm 25,42% so với tháng 01/2019. (Các phân tích chi tiết xuất khẩu

các mặt hàng CNHT ngành dệt may, vui lòng liên hệ Ban biên tập) □

Năm 2019, nhập khẩu sản phẩm CNHT nguyên phụ liệu dệt may tăng nhẹ so với cùng kỳ

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải Quan, tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng nguyên phụ

liệu dệt may tháng 12/2019 đạt trên 1,98 tỷ USD, giảm 2,3% so với tháng 11/2019 nhưng lại tăng 2,81% so với

tháng 12/2018. Lũy kế năm 2019 nhập khẩu nhóm hàng nguyên phụ liệu dệt may đạt trên 24,12 tỷ USD, tăng 0,89% so với năm 2018 □

Bảng 5: Nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may của Việt Nam tháng 12 và năm 2019

Mặt hàng	Tháng 12/2019 (Triệu USD)	So với T11/2019 (%)	So với T12/2018 (%)	Năm 2019 (Triệu USD)	So với năm 2018 (%)
Tổng	1.982,07	-2,30	2,81	24.127,98	0,89
Vải các loại	1.148,95	-2,25	8,87	13.276,52	3,93
Nguyên phụ liệu dệt may	470,81	-4,57	7,82	5.871,50	2,84
Bông các loại	161,73	-3,04	-29,00	2.570,43	-14,64
Xơ, sợi dệt các loại	200,58	3,85	-3,59	2.409,52	-0,39

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu linh kiện, phụ kiện điện thoại tăng 2,99% trong năm 2019

Trong tháng 12/2019 xuất khẩu linh kiện, phụ kiện điện thoại đạt trên 1,42 tỷ USD, so với tháng trước giảm mạnh 51,88% và giảm 2,34% so với tháng 12/2018. Lũy kế năm 2019, tổng kim ngạch

xuất khẩu linh kiện, phụ kiện điện thoại của nước ta đạt trên 18,27 tỷ USD, tăng nhẹ 2,99% so với năm 2018.

Theo số liệu ước tính của Tổng cục Hải quan, tháng 01/2020, xuất khẩu linh kiện,

phụ kiện điện thoại đạt trên 1,15 tỷ USD, giảm 18,59% so với tháng trước, nhưng lại tăng 14,37% so với cùng kỳ năm 2019 (Các phân tích chi tiết xuất khẩu các mặt hàng vui lòng liên hệ Ban biên tập)□

Bảng 6: Một số chủng loại linh kiện điện thoại xuất khẩu tháng 12 và năm 2019

Chủng loại	Tháng 12/2019 (Triệu USD)	So tháng 11/2019 (%)	So tháng 12/2018 (%)	Năm 2019 (Triệu USD)	So năm 2018 (%)
Tổng	1.423,62	-51,88	-2,34	18.276,16	2,99
Linh kiện điện thoại Samsung	83,51	16,53	32,18	1.329,32	-30,05
Linh kiện điện thoại LG	5,23	-5,64	276,04	32,34	40,12
Linh kiện điện thoại Sony	0,72	-8,08	9,29	13,33	-36,50
Linh kiện điện thoại Huawei	0,02			0,99	-79,74
Linh kiện điện thoại Nokia	0,10	990,17		0,69	4.878,12
Linh kiện điện thoại Asus	0,04	49,83	-63,92	0,33	-48,76
Linh kiện điện thoại Iphone	0,02	173,52		0,15	858,26
Linh kiện điện thoại Iik	1.333,96	-53,69	-4,19	16.898,95	6,98

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

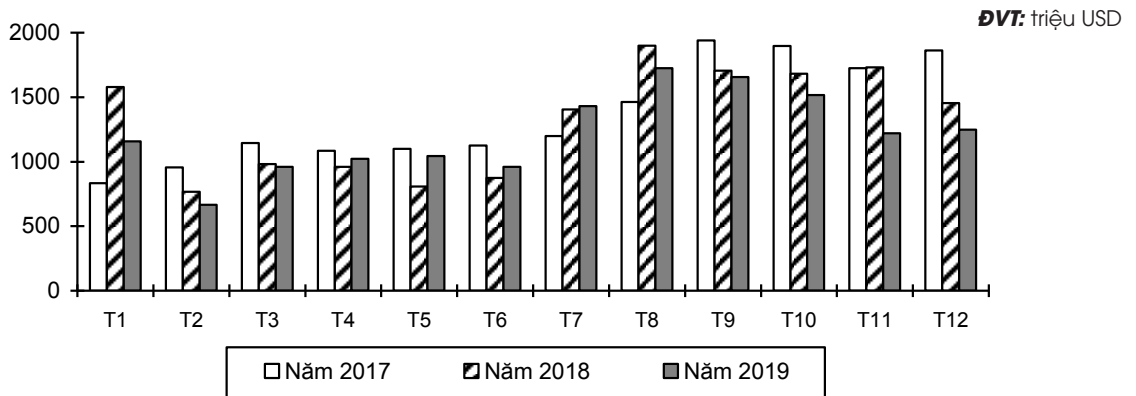
Nhập khẩu linh kiện điện thoại tăng nhẹ trong tháng 12/2019

Nhập khẩu linh kiện, phụ kiện điện thoại tháng 12/2019 đạt trên 1,02 tỷ USD, tăng 2,73% so với tháng trước nhưng lại giảm 21,98% so với tháng 12/2018. Tính chung năm 2019, kim ngạch nhập khẩu linh kiện, phụ

kiện điện thoại của nước ta đạt trên 12,65 tỷ USD, giảm 10,46% so với năm 2018. Thị trường nhập khẩu linh kiện điện thoại lớn nhất của Việt Nam là Hàn Quốc với kim ngạch năm 2019 đạt 6,07 tỷ USD, giảm 4,54% so với năm

2018 và thị trường Trung Quốc đạt 5,78 tỷ USD, giảm 19,26% so với năm trước. Nguyên nhân Việt Nam nhập khẩu nhiều linh kiện điện thoại từ các thị trường này là do nhiều hãng điện thoại của các nước đầu tư lắp ráp điện thoại tại Việt Nam trong khi khả năng cung ứng linh kiện tại Việt Nam còn hạn chế □

Biểu đồ 1: Kim ngạch nhập khẩu điện thoại và linh kiện giai đoạn 2017 - 2019



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Một số chủng loại linh kiện điện thoại nhập khẩu năm 2019

Chủng loại	Tháng 12/2019 (Triệu USD)	So T11/2019 (%)	So T12/2018 (%)	Năm 2019 (Triệu USD)	So năm 2018 (%)
Tổng	228,97	0,56	55,37	1.955,81	13,34
Điện thoại Samsung	66,45	28,71	99,32	512,76	121,75
Điện thoại Iphone	71,06	-19,41	126,36	497,81	-3,78
Điện thoại Oppo	45,36	8,31	-4,50	495,26	5,07
Điện thoại Xiaomi	7,68	-56,39	60,54	125,56	44,82
Điện thoại Vivo	19,99	61,54	540,63	98,03	112,09
Điện thoại Huawei	0,65	56,57	-94,87	51,53	-60,38
Điện thoại Nokia	2,08	144,32	-57,55	27,45	-55,38
Điện thoại Masstel	1,73	20,82	-38,55	16,14	-20,40
Điện thoại ITEL	1,16	-52,09		14,29	-5,92
Điện thoại Mobell	0,74	-4,59	152,76	8,45	8,55
Điện thoại Forme	0,24	36,81	-10,12	2,35	35,31
Điện thoại Asus	0,22	-20,41	-77,91	2,05	-76,44

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Năm 2019, xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử tăng 22,53%

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải Quan, kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử trong tháng 12/2019 đạt trên 3,54 tỷ USD, tăng 8,42% so với tháng trước và tăng khá 50,27% so tháng 12/2018. Tính chung cả năm 2019, xuất khẩu

máy tính và linh kiện điện tử đạt trên 35,92 tỷ USD, tăng 22,53% so với cùng kỳ năm 2018, chiếm trên 13,6% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước trong năm 2019.

Trong tháng 12 và năm 2019, các chủng loại máy

tính và linh kiện điện tử xuất khẩu đạt kim ngạch cao gồm có: Bộ vi xử lý; Màn hình các loại và linh kiện; Máy in, máy photocopy và LK; Điốt - thiết bị bán dẫn; Camera - máy ảnh và linh kiện; Máy tính xách tay, máy tính bảng; Thiết bị âm thanh; Tivi; Mạch các loại; Bộ nhớ; Vi mạch tích hợp; Máy scan, máy quét; Thiết bị chuyển đổi tín hiệu; Thiết bị thu phát.. □

Bảng 8: Một số chủng loại máy tính và linh kiện điện tử xuất khẩu tháng 12 và năm 2019

Chủng loại	Tháng 12/2019 (Triệu USD)	So tháng 11/2019 (%)	So tháng 12/2018 (%)	Năm 2019 (Triệu USD)	So năm 2018 (%)
Bộ vi xử lý	905,07	57,40	42,71	9.818,61	38,72
Màn hình các loại và linh kiện	363,21	44,47	24,88	3.923,17	19,89
Máy in, máy photocopy và LK	285,54	-5,29	-7,81	3.561,16	-5,28
Điốt - thiết bị bán dẫn	287,59	31,29	81,98	3.484,11	53,39
Camera - máy ảnh và linh kiện	170,83	-36,31	-60,83	3.476,01	-31,35
Máy tính xách tay, máy tính bảng	252,25	-21,84	23,55	3.024,65	2,11
Thiết bị âm thanh	249,81	16,91	14,13	3.022,28	5,25
Tivi	123,79	92,31	24,16	1.577,69	13,94
Mạch các loại	140,15	-15,86	116,16	1.261,79	40,12
Bộ nhớ	175,28	-30,95	339,92	1.129,13	116,29
Vi mạch tích hợp	61,46	-31,70	-3,16	1.109,64	6,51
Máy scan, máy quét	32,14	-34,35	-4,46	445,17	9,86
Thiết bị chuyển đổi tín hiệu	62,68	128,54	137,11	311,80	33,03
Thiết bị thu phát	22,85	70,78	5,82	262,52	22,32
Card các loại và linh kiện	24,34	11,68	4.673,77	157,33	1.949,98
Ổ đĩa vi tính	9,75	15,38	53,58	156,63	86,69
Điện trở	2,47	-86,40	-80,32	141,39	-26,22
Chuột máy tính	7,49	-65,50	255,45	69,51	132,12
Micro	5,11	24,27	7,39	50,18	16,55
Thiết bị khuếch đại	4,60	55,52	-19,32	50,07	-7,32
Máy tính để bàn	2,48	-64,22	46,37	47,70	152,84
Bo mạch	2,82	-41,03	-55,04	42,31	-48,98
Tụ các loại	2,82	-1,31	35,88	38,02	8,84
Đầu đọc đĩa, thẻ và linh kiện	3,85	96,94	-0,66	37,76	-21,48

Chủng loại	Tháng 12/2019 (Triệu USD)	So tháng 11/2019 (%)	So tháng 12/2018 (%)	Năm 2019 (Triệu USD)	So năm 2018 (%)
Máy nghe nhạc	1,96	80,04	-8,56	24,28	-17,64
Vỏ máy tính	1,08	-45,17	17,69	15,16	5,91
Tinh thể điện áp	0,12	-0,46	370,43	2,42	109,98
Máy chiếu	0,83	11,32	2.364,97	2,41	89,46
Chíp khuếch đại	0,03	-77,44	-62,61	1,34	188,35
Bộ cộng hưởng	0,01	56,55	686,24	0,80	638,84
Cuộn dao động	0,01	-40,89	56,89	0,07	19,88

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

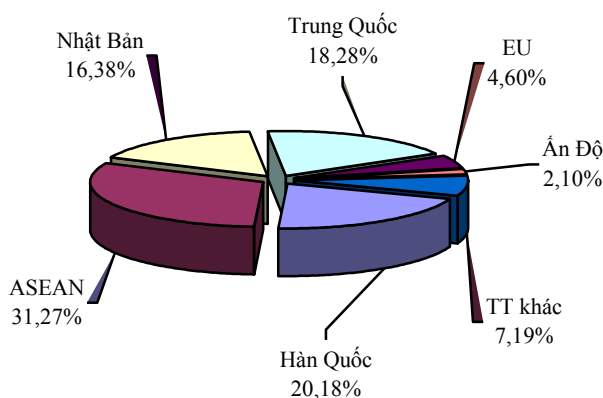
Nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô từ Hàn Quốc đạt 70,07 triệu USD trong tháng 12/2019

Theo thống kê sơ bộ, trong tháng 12 năm 2019, kim ngạch nhập khẩu linh kiện và phụ tùng ô tô các loại của cả nước đạt 347,59 triệu USD, tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 29,6% so với cùng kỳ năm 2018. Năm 2019, kim ngạch nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô của cả nước đạt 4,16 tỷ USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2018.

Về thị trường: Trong tháng 12 năm 2019, Hàn Quốc tiếp tục dẫn đầu về cung cấp linh kiện phụ tùng ô tô vào nước ta, đạt kim ngạch đạt 70,07 triệu USD, giảm 17,7% so với tháng trước và tăng 30,2% so với cùng kỳ năm 2018. Tổng 12 tháng năm 2019, nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô từ thị trường này đạt 1,45 tỷ USD, tăng 39,1% so với

cùng kỳ năm 2018. Ở vị trí thứ hai là nhập khẩu từ ASEAN, đạt kim ngạch 108,8 triệu USD, tăng 23,6% so với tháng trước và tăng 40,8% so với cùng kỳ năm 2018. Tổng 12 tháng năm 2019 nhập khẩu từ thị trường này đạt 947,17 triệu USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ, trong đó nhập khẩu từ Thái Lan đạt 645,2 triệu USD; nhập khẩu

Biểu đồ 2: Cơ cấu thị trường cung cấp linh kiện phụ tùng ô tô tháng 12 năm 2019



ĐVT: % , tính theo kim ngạch

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

từ Indonesia đạt 237,03 triệu USD...

Ở vị trí thứ ba là nhập khẩu từ Nhật Bản đạt kim ngạch đạt 56,85 triệu USD, tăng 26,3% so với tháng trước và tăng 1,4% so với cùng kỳ năm 2018. Tổng 12 tháng năm 2019 nhập khẩu từ thị trường này đạt 721,60 triệu USD, giảm 7,7% so với năm 2018. Trong khi đó, số liệu ước tính tháng 01/2020 của Tổng cục Hải quan cho thấy kim ngạch nhập khẩu linh kiện và phụ

tùng ô tô các loại của nước ta đạt 329,27 triệu USD, giảm 5,3% so với tháng trước và tăng 1% so với cùng kỳ năm 2019. (Các phân tích chi tiết xuất khẩu các mặt hàng vui lòng liên hệ Ban biên tập).

VỀ CHỦNG LOẠI: Trong tháng 12 năm 2019, có rất nhiều chủng loại linh kiện, phụ tùng ô tô nhập về nước ta, trong đó: Lốp mới, loại dùng hơi bơm, bằng cao su (mã HS4011) đạt 25,83 triệu USD, giảm 6,9% so với tháng

trước và tăng 29,4% so với cùng kỳ năm trước; Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay tròn, đốt cháy bằng tia lửa điện (mã HS8407) đạt 25,60 triệu USD, tăng 17,9% và tăng 62,3%; Động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén-diesel hoặc bán diesel (mã HS8408) đạt 23,19 triệu USD, tăng 7% so với tháng trước và tăng 179,4% so với cùng kỳ năm 2018 □

Bảng 9: Một số linh kiện và phụ tùng ô tô các loại nhập khẩu tháng 12 và năm 2019

Mã HS	Mô tả mã HS	KN T12/2019 (triệu USD)	So với T11/2019 (%)	So với T12/2018 (%)	KN 12T/2019 (triệu USD)	12T/2019 so với 12T/2018 (%)
4011	Lốp mới, loại dùng hơi bơm, bằng cao su	25,83	-6,9	29,4	303,90	41,9
8407	Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến hoặc kiểu piston chuyển động quay tròn, đốt cháy bằng tia lửa điện	25,60	17,9	62,3	307,33	24,1
8408	Động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén (diesel hoặc bán diesel)	23,19	7,0	179,4	278,43	45,8
8512	Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu bằng điện (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 85.39), cái gạt nước, gạt sương, gạt tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp, hoặc xe có động cơ	16,33	34,2	35,8	154,03	6,4
8544	Dây, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang làm bằng các sợi đơn có vỏ bọc riêng từng sợi, đã hoặc chưa gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối	8,43	-30,3	46,5	121,01	17,0
8414	Bơm không khí hoặc bơm chân không, máy nén và quạt không khí hay chất khí khác; nắp chụp điều hoà gió hoặc cửa thông gió có kèm theo quạt, có hoặc không lắp bộ phận lọc	8,38	52,0	93,9	72,77	38,8

Mã HS	Mô tả mã HS	KN T12/2019 (triệu USD)	So với T11/2019 (%)	So với T12/2018 (%)	KN 12T/2019 (triệu USD)	12T/2019 so với 12T/2018 (%)
4016	Các sản phẩm khác bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng	7,87	-11,6	35,2	101,20	40,9
8415	Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm kể cả các loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt	6,63	4,8	39,1	78,78	25,9
7007	Kính an toàn, làm bằng thủy tinh cứng (đã tôi) hoặc thủy tinh đã cán mỏng	5,69	48,1	46,1	57,74	23,2
8421	Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí	5,55	18,8	-7,7	61,92	22,5
8409	Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08	4,88	-7,9	51,8	71,73	88,9
9029	Máy đếm vòng quay, máy đếm sản lượng, máy đếm cây số để tính tiền taxi, máy đếm hải lý, máy đo bước và máy tương tự; đồng hồ chỉ tốc độ và máy đo tốc độ góc trừ các loại máy thuộc nhóm 9014 hoặc 9015; máy hoạt nghiệm	4,87	33,3	84,1	51,49	14,3
8511	Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc bằng sức nén (ví dụ : magneto, dynamo magneto, bobin đánh lửa, bugi đánh lửa và nến đánh lửa (glow plugs), động cơ khởi động); máy phát điện (máy phát điện một chiều, máy phát điện xoay chiều) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên	3,97	2,3	50,4	42,60	-1,1
7009	Gương thủy tinh, có hoặc không có khung, kể cả gương chiếu hậu	2,54	17,2	106,1	24,99	38,9
8483	Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; gối đỡ trục dùng ổ lăn và gối đỡ trục dùng ổ trượt, bánh răng và cụm bánh răng, vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả pa lăng; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng)	2,49	-9,4	14,4	35,05	17,3
8413	Bơm chất lỏng có hoặc không lắp dụng cụ đo lường; máy đẩy chất lỏng	2,29	-30,4	94,4	28,20	13,9
8481	Vòi, van và các thiết bị tương tự dùng cho đường ống, thân nồi hơi, bể chứa hay các loại tương tự kể cả van giảm áp và van để điều chỉnh bằng nhiệt	2,10	10,1	0,6	31,77	-6,3

Mã HS	Mô tả mã HS	KN T12/2019 (triệu USD)	So với T11/2019 (%)	So với T12/2018 (%)	KN 12T/2019 (triệu USD)	12T/2019 so với 12T/2018 (%)
4009	Các loại ống, ống dẫn và ống vôi bằng cao su lưu hóa, trừ cao su cứng, có hoặc không kèm theo các phụ kiện để ghép nối (ví dụ các đoạn nối, khớp, khuỷu, vành đệm)	2,02	2,7	22,7	29,06	3,8
7320	Lò xo và lá lò xo, bằng sắt hoặc thép	1,35	6,5	89,2	17,38	8,0
8543	Máy và thiết bị điện có chức năng riêng	1,27			1,27	
8482	Ổ bi hoặc ổ đĩa	0,82	1,4	-42,8	16,28	-30,8
8527	Máy thu dùng cho điện thoại vô tuyến, điện báo vô tuyến hoặc phát thanh vô tuyến, có hoặc không kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc với đồng hồ trong cùng một khối	0,76	-58,8	-39,2	15,69	35,2
8539	Đèn điện dây tóc hoặc đèn phóng điện, kể cả đèn chùm hàn kín và đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; đèn hồ quang	0,38	-9,1	63,7	2,67	-31,5
9104	Đồng hồ lắp trên bàn điều khiển phương tiện và các loại đồng hồ kiểu tương tự dùng cho xe có động cơ, máy bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thủy	0,12	26,5	140,0	0,88	-18,5
4013	Săm các loại, bằng cao su	0,02	-63,8	-48,3	1,41	124,9
4012	Lốp đã qua sử dụng hoặc lốp đắp lại, loại dùng hơi bơm, bằng cao su; lốp đặc hoặc nửa đặc, hoa lốp và lót vành, bằng cao su	0,01	-74,3	204,9	0,44	-76,9
8529	Các bộ phận chuyên dùng hoặc chủ yếu dùng cho các thiết bị thuộc nhóm 8525 đến 8528	0,00			49,06	

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

THÔNG TIN THAM KHẢO - Tiếp theo trang 28

Tên sản phẩm	Tỉnh/TP	ĐVT	Tháng 01/2020	Tháng 12/2019	Tháng 01/2019
Vải dệt thoi khác từ sợi bông	Nam Định	1000 m2	4.015	4.512	4.869
	Đồng Nai	1000 m2	2.000	2.560	1.980
	Hà Nam	1000 m2	690	730	783
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	Đồng Nai	1000 m2	9.580	10.251	15.999
	Quảng Ninh	1000 m2	7.000	6.656	5.003
	Phú Thọ	1000 m2	6.201	6.286	5.828
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo	Đồng Nai	1000 m2	30.120	34.416	35.811
	Long An	1000 m2	21.955	22.332	16.783
	Hồ Chí Minh	1000 m2	2.300	2.935	3.322

Nguồn: Tính toán từ số liệu sơ bộ của Tổng cục Thống kê và các cục Thống kê



Theo đánh giá của Cục Công nghiệp- Bộ Công Thương, ngành CNHT là ngành thâm dụng vốn. Nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp chủ yếu là để đầu tư xây dựng nhà máy, mua sắm máy móc trang thiết bị để đổi mới công nghệ và nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất. Tuy nhiên, các doanh nghiệp trong lĩnh vực CNHT hầu như không tiếp cận được được các khoản vay từ Ngân hàng thương mại cho các dự án CNHT. Ngoài ra do lãi suất ngân hàng quá cao, chi phí vốn lớn khiến cho dự án khó đảm bảo hiệu quả kinh tế. Các chính sách tín dụng đã ban hành có hiệu quả và hiệu lực rất thấp, hầu như chưa hỗ trợ được cho các doanh nghiệp CNHT. Nguyên nhân chủ yếu do các doanh nghiệp CNHT có số lượng đồng đảo, chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong khi đó, Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) có mạng lưới hoạt động chưa rộng khắp, chủ yếu tập trung vào việc cho vay các khoản đầu tư lớn của các doanh nghiệp lớn Nhà nước và các dự án có qui mô lớn, không phù hợp cho đối tượng doanh nghiệp CNHT.

Để tháo gỡ khó khăn, Cục Công nghiệp đã đề nghị Chính phủ cho thực hiện việc cấp bù lãi suất sử dụng nguồn ngân sách nhà nước thông qua hệ thống các Ngân hàng thương mại. Theo phân tích của Cục Công nghiệp, các ngân hàng thương mại có hệ thống trải rộng khắp cả nước, có bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo năng lực thẩm định và cho vay. Việc sử dụng Ngân hàng thương mại tham gia hỗ trợ tín dụng cho CNHT, sẽ giảm áp lực về vốn cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Đồng thời, Cục Công nghiệp cũng đề xuất Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục nghiên cứu cơ chế để triển khai có hiệu quả cơ chế hỗ trợ, bảo lãnh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ không đủ chuẩn để vay theo các qui định về tín dụng; bổ sung cấp bù lãi suất hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ trong Nghị quyết của UBTV Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 □

Sản xuất chip thế hệ mới trên quy trình EUV với plasma và laser

Quang khắc cực tím (EUV) sẽ là bước nhảy tiếp theo của công nghệ sản xuất chip với nhiều cải tiến vượt bậc.

Các vi mạch hiện có hầu hết trong tất cả thiết bị điện tử và các trang thiết bị hiện đại của mọi lĩnh vực. Thực chất, chúng là hàng triệu (hoặc hàng tỉ) bóng bán dẫn cùng những cấu trúc mạch điện siêu nhỏ được tạo ra trong một quy trình sản xuất đặc biệt của ngành công nghiệp bán dẫn.

Quy trình hiện nay mà các nhà sản xuất bán dẫn đang sử dụng đã được phát triển từ khoảng năm 1977 và sử dụng công nghệ khắc bằng mạch hoạt động tương tự máy chiếu. Trong đó, khi tia laser chiếu ánh sáng qua một lớp mặt nạ ở trên đó in bản thiết kế chip (với các lớp khác nhau), các hóa chất nhạy cảm với ánh sáng được sơn trên một tấm silicon đặt ở dưới, lúc đó ánh sáng truyền qua mặt nạ sẽ tạo ra hình ảnh phản chiếu của mặt cắt chip lên lớp silicon và từ đó nó có thể được khắc trực tiếp vào kim loại. Quá trình này gọi là quang khắc.

Khi các quy trình sản xuất ngày càng tinh vi và thu nhỏ (hiện xuống tới 5nm và 7nm) thì các bóng bán dẫn cũng ngày càng được thu nhỏ hơn, sắp được nhiều mạch và bóng bán dẫn hơn, khiến các chip chạy nhanh và tiết kiệm năng lượng hơn.

Theo Engadget, quy trình sản xuất chip bán dẫn thực tế thường cực kỳ phức tạp với độ chính xác ở quy mô phân tử, chúng được hỗ trợ bởi một số công cụ sản xuất với độ chính xác nhất từng có nhưng chính vì thế mà các phương pháp hiện nay dần đạt tới giới hạn, đúng như định luật Moore từng tiên đoán. Hiện tại, quy trình này đã được sử dụng trong gần 15 năm vừa qua và chạm ngưỡng giới hạn, các bóng bán dẫn và bộ phận của chúng trên các chip hiện nay có kích cỡ từ 7 đến 10 nm, nhỏ hơn nhiều so với tia UV 193nm đang được sử dụng để tạo ra chúng.

Các nhà sản xuất cần thiết kế lại quy trình nếu họ muốn tiếp tục tạo ra những con chip tốt và nhanh hơn. Lời giải chính là quy trình quang khắc cực tím, hay còn gọi là EUV. Các công ty đã làm việc trong nhiều năm để phát triển công nghệ tiếp theo dành cho ngành sản xuất chip và chúng ta sẽ được thấy những

thiết bị đầu tiên sử dụng chip sản xuất trên quy trình EUV sắp ra mắt thị trường.

Tuy vẫn sẽ chiếu tia sáng lên một bản thiết kế chip đặt trên silicon, nhưng công nghệ EUV sẽ sử dụng ánh sáng có bước sóng cực kỳ nhỏ để thực hiện việc này. Ở những bước sóng nhỏ này, ánh sáng tia cực tím bị hầu hết mọi thứ hấp thụ nên không thể tạo ra bằng tia laser thông thường. Các nhà khoa học đã sử dụng một quy trình hoàn toàn mới bằng cách sử dụng kim loại lỏng và plasma năng lượng cao để giải quyết bài toán này □

Apple kế hoạch ra mắt nhiều sản phẩm mới trong nửa đầu năm 2020

Apple hiện đang lên kế hoạch cho ra mắt rất nhiều sản phẩm mới ngay trong nửa đầu năm 2020, như mẫu iPhone 4.7 inch mới, iPad Pro được nâng cấp, MacBook Pro hoặc MacBook Air và thậm chí cả một số phụ kiện hoàn toàn mới như Apple Tags, đế sạc không dây và tai nghe headphone Bluetooth cao cấp.

iPhone 4.7 inch mới

Chiếc iPhone mới có kiểu

dáng nhỏ gọn của những chiếc iPhone 4.7 inch trước đây, nhưng được Apple nâng cấp về mặt phần cứng với con chip Apple A13 mới nhất cũng như giữ lại được Touch ID. Chiếc iPhone này được dự đoán sẽ có mức giá chỉ vào khoảng 399 USD, tương đương hơn 9 triệu đồng tại thị trường Mỹ.

iPad Pro thế hệ tiếp theo

Dòng iPad Pro mới được dự đoán là sẽ sở hữu cụm 3 camera chính tương tự như iPhone 11 Pro. Điều này cũng được dự đoán trước đó bởi hàng loạt hình ảnh rò rỉ cũng một nguyên mẫu của iPad Pro 2020 với cụm 3 camera chính hình vuông. Tính năng được mong chờ nhất trên chiếc iPad Pro mới chính là việc hỗ trợ công nghệ thực tế tăng cường AR nhờ sự trợ giúp của các cảm biến 3D.

MacBook Pro/MacBook Air mới

Apple sẽ tung ra thị trường một mẫu MacBook Pro mới hay một mẫu MacBook Air, hoặc cả 2 cùng một lúc. Theo đó, chiếc MacBook Pro phiên bản 13 inch sẽ được Apple nâng cấp lên thành phiên bản 14 inch mới với bàn phím cắt kéo mới (xuất hiện trên chiếc MacBook Pro 16 inch ra mắt cuối năm ngoái), cũng

như sẽ được giới thiệu ngay trong nửa đầu năm nay. Nếu như tin đồn là đúng thì có thể phiên bản 13 inch của MacBook Pro sẽ được nâng cấp lên thành phiên bản 14 inch mới.

Còn về MacBook Air, hiện chưa có thông tin cụ thể nào về một chiếc Air thế hệ mới. Chiếc MacBook Air 2019 được Apple cho ra mắt vào tháng 7/2019 với mức giá 1.099 USD.

Apple Tags

Năm ngoái, MacRumors đã khám phá ra "Apple Tags" trong mã nguồn của iOS 13, bao gồm cả "AirTags". Với bộ ba iPhone 11 mới cùng con chip Apple U1 độc quyền, các phụ kiện Apple Tags sẽ có khả năng tận dụng công nghệ Ultra wideband để xác định vị trí các đồ dùng của người dùng dễ dàng cũng như chính xác hơn Bluetooth LE và Wi-Fi.

Tai nghe headphone cao cấp

Với dòng sản phẩm này Kuo không tiết lộ chi tiết các thông tin về loại tai nghe mới của Apple ngoài việc xác nhận nó sẽ là tai nghe không dây có hỗ trợ Bluetooth. Trang tin Bloomberg trước đó cũng đã xác nhận Apple đang phát triển một mẫu headphone không dây nhưng chưa rõ

liệu dự án phát triển này đã bị khai tử, hay đã được ra mắt dưới thương hiệu Beats. Apple cũng xác nhận đang phát triển chiếc tai nghe Powerbeats4 mới, tuy nhiên chiếc Powerbeats3 trước đó lại không phải là dòng tai nghe cao cấp. Do đó chúng ta hoàn toàn có thể hi vọng sẽ có một sản phẩm headphone không dây được Apple ra mắt dưới thương hiệu của chính mình.

Đế sạc không dây

Vào năm ngoái, Apple đã khai tử dự án phát triển AirPower bởi các vấn đề về chất lượng. Kể từ thời điểm đó, chưa có bất cứ thông tin nào về một phụ kiện đế sạc không dây của Apple có thể sạc được cùng lúc iPhone, Apple Watch và AirPods. Giờ đây, Apple có thể ra mắt một loại đế sạc không dây mới nhỏ hơn vào nửa đầu năm nay, tuy nhiên thông tin chi tiết thì có lẽ chúng ta vẫn phải đợi thêm một thời gian nữa.

Do các vấn đề về dịch bệnh có liên quan tới chủng loại virus corona mới, quy trình sản xuất, kiểm định chất lượng và lịch ra mắt các dòng sản phẩm mới của Apple có thể bị ảnh hưởng ít nhiều và dời sang nửa cuối năm nay □

Ngành công nghiệp xe hơi Nhật Bản tìm cách khắc phục khi thiếu linh kiện

Nhật Bản đang tìm mọi cách để khắc phục những hậu quả do bùng phát dịch virus corona tại nước này, trong đó thành lập một đội xử lý hậu quả kết hợp giữa ngành công nghiệp xe hơi Nhật Bản và Chính phủ. Mục tiêu là để các nhà sản xuất ô tô và nhà cung cấp nhận được sự giúp đỡ và khắc phục do những gián đoạn sản xuất trong thời gian dịch bệnh xảy ra. Đội xử lý hậu quả sẽ chia sẻ thông tin và cung cấp hỗ trợ tài chính và chính sách nếu tình hình trở nên tồi tệ hơn.

Các nhà sản xuất xe hơi như Nissan đã thực hiện các biện pháp gây thiệt hại lớn như đóng cửa một phần nhà máy tại Kyushu, Tây Nam Nhật Bản. Trong khi đó, Honda, Mazda, Mitsubishi và Toyota đã tạm dừng một số hoạt động tại Trung Quốc, mặc dù họ chưa làm như vậy tại Nhật Bản.

Những ảnh hưởng do sự bùng phát của virus corona đã xảy ra trên toàn cầu, làm gián đoạn việc cung cấp từ hộp số cho tới hệ thống lái của xe. Đầu tháng này, Hyundai và Renault đã dừng sản xuất tại Hàn Quốc, Fiat ngừng sản

xuất mẫu 500L tại Serbia do thiếu linh kiện trong khi Nissan cho biết họ có thể phải ngừng hoạt động nhà máy ở cả châu Âu và Mỹ.

Tại Hồ Bắc, Trung Quốc, nơi đối tác của Nissan Trung Quốc là Dongfeng Motor, tiếp tục bị dừng sản xuất. Đặc biệt là tại Vũ Hán, nơi khởi nguồn của virus corona, tất cả các nhà máy ở tỉnh này đã phải ngừng hoạt động.

Các nhà sản xuất chip Hàn Quốc lo lắng về COVID-19

Các nhà sản xuất chip của Hàn Quốc đã bắt đầu lo ngại về sự sụt giảm nhu cầu về chip và ảnh hưởng đến sản xuất sau sự gia tăng bất ngờ về số lượng nhiễm COVID-19 trên cả nước.

Sam Sung là công ty điện tử lớn nhất hiện không gặp phải bất kỳ khó khăn nào trong việc điều hành các dây chuyền sản xuất như thường lệ, nhưng điều đáng lo ngại là các dấu hiệu về nhu cầu chậm lại từ các nhà sản xuất thiết lập đang xuất hiện khi tình hình dịch bệnh trở nên tồi tệ và kéo dài hơn.

Dự kiến, tác động của COVID-19 sẽ được giới hạn trong sản xuất chip do các chế phẩm trung và dài hạn của ngành công nghiệp để

đảm bảo mua sắm vật tư và vật tư ổn định. Ngay cả trong những ngày nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài ở Trung Quốc, các nhà máy bộ nhớ của Samsung và SK hynix đã hoạt động mà không bị gián đoạn. Thay vào đó, đã có những dự báo tích cực cho thấy rằng sự bùng phát dịch bệnh sẽ hạn chế nguồn cung chip trong thời gian dài và do đó giúp tăng giá chip.

Năm 2019, xuất khẩu da sống của Mỹ giảm 15,1%

Xuất khẩu da sống của Mỹ năm 2019 đạt 23,6 triệu, giảm 15,1% so với năm trước đó. Trong đó, bao gồm 19,9 triệu da muối ướt và hơn 3,6 triệu da xanh ướt, giảm 13% và 23% so với năm 2018. Về kim ngạch, các nhà đóng gói và các thương nhân thu về 1,15 tỷ USD từ việc xuất khẩu da sống năm 2019, giảm 27% so với năm 2018.

Trong khi đó, năm 2019, Việt Nam nhập khẩu hơn 940.00 da xanh ướt từ Mỹ với kim ngạch đạt gần 103,3 triệu USD. Điều này, khiến Việt Nam trở thành thị trường nhập khẩu lớn thứ 3 của Mỹ sau Italia và Trung Quốc về lượng, song đứng thứ 2 về kim ngạch chỉ sau Trung Quốc.



Cần tìm nhà sản xuất giày da ở Việt Nam

DN nào có nhu cầu, liên hệ theo địa chỉ:
 Nguyen Le Hong Thao (Ms.) EU-Vietnam
 Business Network (EVBN) 15th Floor, 5B Ton
 Duc Thang, District 1 Ho Chi Minh City, Viet-
 nam

T : +84 (0) 28 38 23 95 15 (Ext:104)

M: +84 (0) 935 100 528 www.evbn.org

Chuyên cung cấp thiết bị lắp máy trong công nghiệp

Thiết bị chế máy CNC - Có xilanh tròn MAL, xilanh vuông SC, xilanh kép TN, ... -
 Các loại cốc lọc đơn đôi, van điều khiển , đầu nối xilanh - Thanh trượt tròn có đế,
 không đế,... - Kích thước theo tiêu chuẩn quốc tế, có mã là có hàng. ship cod toàn
 quốc.

Chi tiết liên hệ SĐT-Zalo : 0904959958- Trần Tuấn Việt

Website tham khảo: <http://cokhileduc.com/xy lanh-khi-nen-2-1-371651.html>.

Công ty Hungary cần liên doanh liên kết với công ty may mặc Việt Nam sản xuất hàng may mặc trẻ em

Công ty Exity Kft. Hungary có nhu cầu liên doanh liên kết với công ty Việt Nam để
 sản xuất hàng may mặc trẻ em để tiêu thụ tại thị trường châu Âu.

Liên hệ: Mr. Pankaj Mehra , email: indpankajm@gmail.com

Cần bán 3, Băng tải - dây đai- xích công nghiệp

HTC chuyên cung cấp sỉ và lẻ: - Băng tải PVC, PU, PE, cotton, silicone. Holland -
 Băng tải xích nhựa, băng tải lưới Inox. Đan Mạch - Dây curoa CN, Dây đai dệt, dây
 curoa thang PU, dây curoa răng PU. Switzerland - Vải và túi lọc bụi Công Nghiệp.
 Germany - Vải và túi lọc chất lỏng, lưới sàng bột mì. Switzerland - Máng khí động
 / Băng tải trượt khí. Germany - Vải PTFE chịu nhiệt độ cao Ireland. Korea - Xích
 Công Nghiệp các loại. Japan - Băng tải cao su các loại.

Liên hệ: Hà Nội : Tel : 043.7920733 Fax: 043.7920734 Mobile : 0977.426048 -
 0914.368528 Email : tuananhhtc.68@gmail.com.

Tham khảo tình hình sản xuất một số sản phẩm CNHT tại các địa phương

Tên sản phẩm	Tỉnh/TP	ĐVT	Tháng 01/2020	Tháng 12/2019	Tháng 01/2019
Linh kiện điện tử					
Dịch vụ sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	Bình Dương	Triệu đồng	496.025	627.002	565.251
	Hồ Chí Minh	Triệu đồng	350.000	373.267	355.594
	Vĩnh Phúc	Triệu đồng	11.236	14.826	15.950
Dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử	Vĩnh Phúc	Triệu đồng	5.164.752	7.682.878	7.085.680
	Hồ Chí Minh	Triệu đồng	482.006	541.130	521.141
	Bình Dương	Triệu đồng	157.664	231.936	214.164
Linh kiện ô tô					
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	Hà Nội	Cái	1.415.202	1.760.990	2.286.108
	Đồng Nai	Cái	936.482	1.000.291	777.017
	Hoà Bình	Cái	600.000	767.488	590.386
Nguyên liệu nhựa					
Plastic khác dạng nguyên sinh chưa được phân vào đầu; chất trao đổi ion	Đồng Nai	Tấn	19.550	18.263	22.619
	Bắc Ninh	Tấn	6.178	6.190	7.405
	Bình Dương	Tấn	4.505	6.520	5.937
Polyaxetal, polyete khác và nhựa epoxy, dạng nguyên sinh; polycarbonat, nhựa ankyt, polyalyl este và polyeste khác, dạng nguyên sinh	Bà Rịa - Vũng Tàu	Tấn	23.129	24.321	20.149
	Quảng Ngãi	Tấn	15.498	15.517	15.302
	Đồng Nai	Tấn	3.178	3.027	3.969
Sản phẩm da giày					
Giày, dép thể thao có đế ngoài và mũ giày bằng cao su và plastic	Thanh Hoá	1000 đôi	6.802	7.712	7.441
	Đồng Nai	1000 đôi	4.330	5.252	4.128
	Vĩnh Long	1000 đôi	2.892	4.022	2.563
Giày, dép thể thao có mũ bằng da và có đế ngoài bằng cao su và plastic	Phú Thọ	1000 đôi	10.170	656	668
	Hải Dương	1000 đôi	9.098	3.717	3.346
	Hải Phòng	1000 đôi	4.940	249	290
Sản phẩm dệt may					
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	Hải Dương	1000 cái	3.803	4.596	4.760
	Hà Nội	1000 cái	3.558	6.419	5.441
	Hồ Chí Minh	1000 cái	3.497	3.738	6.655
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	Hồ Chí Minh	1000 cái	21.353	26.747	40.234
	Tiền Giang	1000 cái	5.475	6.203	8.403
	Đồng Nai	1000 cái	4.663	5.918	8.887
Quần áo lót cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	Thừa Thiên Huế	1000 cái	23.500	31.249	29.188
	Hải Phòng	1000 cái	7.266	8.172	6.271
	Bình Phước	1000 cái	3.850	3.960	3.585
Nguyên phụ liệu dệt may					
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cối ...	Quảng Ninh	Tấn	26.000	25.397	19.415
	Tây Ninh	Tấn	11.207	13.506	9.886
	Đồng Nai	Tấn	5.250	6.360	6.239

Xem tiếp trang 22